

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT: Như trên Webform yêu cầu

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Như trên Webform yêu cầu

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt

Việc đánh giá được áp dụng cho từng hạng mục hàng hóa của gói thầu.

Các tiêu chuẩn đánh giá tổng quát bao gồm:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
Cột 1	Cột 2	Cột 3	Cột 4
1.	Về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	- Nhà thầu đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất theo quy định tại mẫu số 10B chương IV (*). - Hàng hóa chào thầu đáp ứng đầy đủ các thông số kỹ thuật tại Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật tại Chương V, Mục B.II - Yêu cầu thông số kỹ thuật, có tài liệu chứng minh tính đáp ứng.	- Không đề xuất cụ thể một trong các thông tin: ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất tại mẫu số 10B chương IV (tiêu chí này không được làm rõ). - Không chào Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu tại Chương V, Mục B.II - Yêu cầu thông số kỹ thuật, hoặc; - Một trong các thông số kỹ thuật không đáp ứng theo yêu cầu tại Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật tại Chương V, Mục B.II – Yêu cầu thông số kỹ thuật, hoặc; - Một số thông số kỹ thuật chào thiếu sau khi đã được làm rõ bổ sung nhưng nhà thầu không bổ sung hoặc sau khi làm rõ nhưng không đáp ứng, hoặc; - Không có tài liệu chứng minh tính đáp ứng sau khi đã được yêu cầu làm rõ.
2	Về tiêu chuẩn chất lượng của hàng hoá:		

2.1	Biên bản thử nghiệm:	Có biên bản thử nghiệm đáp ứng quy định tại chương V, mục B.I.3.2 - Yêu cầu về biên bản thử nghiệm đối với VTTB cho hàng hóa có cùng chủng loại, nhà sản xuất với hàng hóa chào thầu được yêu cầu tại Chương V, mục B.I.3.3 - Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa và có đầy đủ các hạng mục thử nghiệm, đáp ứng yêu cầu được nêu tại Chương V, mục B.II - Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.	- Biên bản thử nghiệm không đáp ứng quy định tại chương V, mục B.I.3.2 - Yêu cầu về biên bản thử nghiệm đối với VTTB sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ, hoặc; - Không có biên bản thử nghiệm được nêu tại Chương V, mục B.I.3.3 - Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa hoặc có nhưng có hạng mục thử nghiệm không đáp ứng yêu cầu được nêu tại Chương V, mục B.II - Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ.
2.2	Xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng <i>(Chỉ chấp nhận các văn bản xác nhận trong vòng 36 tháng tính đến tháng đăng thông báo mời thầu)</i>	Có ít nhất 02 giấy xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau chứng minh hàng hoá có cùng chủng loại, nhà sản xuất, nước sản xuất với hàng hoá chào thầu được yêu cầu tại Chương V, mục B.I.3.3 - Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa đã vận hành ổn định, đạt yêu cầu trong thời gian tối thiểu 24 tháng trên lưới điện Việt Nam. Đối với hàng hoá sản xuất trong nước theo chuyển giao công nghệ không phải cung cấp xác nhận vận hành theo quy định tại Điều 10 của NĐ 214/2025/NĐ-CP thì nhà thầu phải cung cấp ít nhất 02 giấy xác nhận của các	Có ít hơn 02 giấy xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau đáp ứng theo yêu cầu sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ. Đối với hàng hoá sản xuất trong nước theo chuyển giao công nghệ không phải cung cấp xác nhận vận hành theo quy định tại Điều 10 của NĐ 214/2025/NĐ-CP nhưng nhà thầu cung cấp ít hơn 02 giấy xác nhận của các đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau chứng minh hàng hoá

		đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau chứng minh hàng hoá do bên chuyển giao công nghệ sản xuất, vận hành thành công trên lưới điện trong thời gian tối thiểu 24 tháng sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ.	do bên chuyển giao công nghệ sản xuất, vận hành thành công trên lưới điện trong thời gian tối thiểu 24 tháng sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ.
3	Về mức độ đáp ứng các yêu cầu về các điều kiện thương mại và quyền sở hữu trí tuệ		
3.1	Các điều kiện thương mại	Không có những đề xuất khác biệt so với yêu cầu nêu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng trong E-HSMT về điều kiện thanh toán, thời gian giao hàng, thời gian thực hiện dịch vụ (chi tiết như quy định tại Chương V của E-HSMT), các yêu cầu về bảo hành, phạt do vi phạm hợp đồng hoặc các điều kiện khác gây hạn chế đối với quyền hạn và lợi ích của Chủ đầu tư.	Có những đề xuất khác biệt so với yêu cầu nêu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng trong E-HSMT về điều kiện thanh toán, thời gian giao hàng, thời gian thực hiện dịch vụ (chi tiết như quy định tại Chương V của E-HSMT), các yêu cầu về bảo hành, phạt do vi phạm hợp đồng hoặc các điều kiện khác gây hạn chế đối với quyền hạn và lợi ích của Chủ đầu tư.
3.2	Quyền sở hữu trí tuệ (theo Mẫu số 15D tại Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và Dự thầu/File scan)	Nhà thầu có Bản cam kết về việc không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa chào thầu (theo Mẫu số 15D)	Không có cam kết, hoặc không bổ sung cam kết sau khi được yêu cầu bổ sung, làm rõ.
4	Về mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành	Toàn bộ hàng hóa của gói thầu được bảo hành thời gian ≥ 18 tháng kể từ ngày hoàn tất thủ tục giao hàng.	Không chào thời gian bảo hành hoặc chào thời gian bảo hành < 18 tháng kể từ ngày hoàn tất thủ tục giao hàng
5	Về tiến độ thực hiện gói thầu (thời gian giao hàng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực): Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Nhỏ hơn hoặc bằng tiến độ giao hàng yêu cầu chi tiết tại chương V - Yêu cầu kỹ thuật	Không chào tiến độ giao hàng hoặc tiến độ giao hàng lớn hơn yêu cầu chi tiết tại chương V - Yêu cầu kỹ thuật
6	Kết quả thực hiện Hợp đồng, chất lượng hàng hóa		
6.1	Kết quả thực hiện hợp đồng	Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, Nhà thầu có <	Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, Nhà thầu có ≥ 03 hợp

		03 hợp đồng vi phạm trong số các nội dung sau: chất lượng, bảo hành, bị phạt tiền do EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC (**) đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	đồng vi phạm trong số các nội dung sau: chất lượng, bảo hành, bị phạt tiền do EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
6.2	Chất lượng hàng hoá	Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, không có hàng hoá chào thầu có chất lượng không đảm bảo, bị EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC (**) đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, có hàng hoá chào thầu có chất lượng không đảm bảo, bị EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
7	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất của hàng hoá chào thầu	+ Nhà thầu chào một (01) ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất cho một đơn vị tính của hàng hoá (một cái, một chiếc...) trong mỗi danh mục hàng hoá nêu tại bảng phạm vi cung cấp. + Nhà thầu chào xuất xứ hàng hoá đúng theo yêu cầu tại CDNT 15.6 của HSMT trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ.	+ Sau khi làm rõ, nhà thầu vẫn chào nhiều hơn 01 xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hoá (một cái, một chiếc...) của mỗi danh mục hàng hoá nêu tại bảng phạm vi cung cấp. + Nhà thầu chào nhiều hơn 01 (một) ký mã hiệu, nhãn hiệu cho một đơn vị tính của hàng hoá chào thầu hoặc chào nhiều hơn 01 (một) hãng sản xuất cho một đơn vị tính của hàng hoá chào thầu. + Nhà thầu không chào xuất xứ hàng hoá đúng theo yêu cầu tại CDNT 15.6 của HSMT trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ.

Ghi chú:

- Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư sẽ tiến hành kiểm chứng Biên bản thử nghiệm; tài liệu của nhà sản xuất công bố (catalogue,...); xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng được nhà thầu đính kèm trong E-HSDT, Hồ sơ làm rõ (nếu có). Kết quả kiểm chứng là cơ sở để đánh giá tính đáp ứng của E-HSDT so với các yêu cầu của E-HSMT.

- Đối với Biên bản thử nghiệm của VTTB: phải đầy đủ hạng mục và đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của E-HSMT.

- (**) Các đơn vị thành viên EVNCPC: là các đơn vị thành viên của EVNCPC trong khoảng thời gian đánh giá chất lượng hàng hoá, kết quả thực hiện hợp đồng.

Kiểm tra và thử nghiệm:

+ Trong quá trình xét thầu chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp bổ sung tài liệu kỹ thuật một số hạng mục (nếu có) để chứng minh tính đáp ứng của hàng hóa chào thầu theo thông số đã chào thầu.

+ Các VTTB sau khi được mua sắm, lắp đặt sẽ tiếp tục được đánh giá chất lượng theo quy định của EVN trong quá trình vận hành, bao gồm cả giai đoạn bảo hành và sau bảo hành.